

Bản án số: 908/2023/HC-PT

Ngày: 02-10-2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về
đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán:

Ông Chung Văn Kết

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 9 và 02 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở - Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2023/TLPT-HC ngày 09/6/2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 25/2023/HC-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2381/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn N sinh năm 1929;

Nơi cư trú: Số 374 ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1957; Cư trú: số 287 Nhon Trị 2, xã Nhon Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 5 năm 2022). Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Huỳnh Duy S, sinh năm 1961; Nghề nghiệp: làm ruộng. Địa chỉ cư trú: số 107 ấp Nhon Trị 2, xã Nhon Thạnh Trung, thành phố Tân An. Có mặt

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Phước T – quyền Chủ tịch UBND huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Tấn T – Phó Chủ tịch UBND huyện T. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T. Có văn bản xin xét xử vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1956;

Nơi cư trú: 324T3, Lô B, Chung cư Gò Dầu 2, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu S: Ông Nguyễn Thiện Tường, sinh năm 1969; Cư trú tại: Số 144, Ấp Nhơn Trĩ 2, xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thu S: Luật sư Phan Tường Duy, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

2. Ông Nguyễn Thiện C, sinh năm 1965; Có mặt

Địa chỉ: số 144 Nhơn Trĩ 2, xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/12/2021 của người khởi kiện ông Nguyễn Văn N và thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc các thửa đất 327, 343, 354, 501, 572, cùng thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An là do vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Huỳnh Thị Hoa tạo lập được từ khoảng những năm 1950-1960.

Sau khi mua đất thì sử dụng ổn định, không ai tranh chấp. Khi ông Nguyễn Văn N không còn sức khỏe để canh tác thì cho người khác thuê, nhận tiền theo vụ. Đến năm 2019, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu S tự ý ngăn không cho người thuê canh tác mà kêu người cho thuê và tự ý nhận tiền, không đưa cho ông Nguyễn Văn N.

Đến ngày 21/3/2022, sau khi ông Nguyễn Văn N được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp hồ sơ các thửa đất thì ông Nguyễn Văn N mới biết bà Nguyễn Thị Thu S đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên. Việc bà Nguyễn Thị Thu S đứng tên các thửa đất của ông Nguyễn Văn N là trái pháp luật.

Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số phát hành BH 853208, BH 853209, BH 853210, BH 853211 và BH 853212 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cùng ngày 30/9/2011 cho bà Nguyễn Thị Thu S đối với các thửa đất 327, 343, 354, 501, 572, cùng thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ khởi kiện là:

1. Ông Nguyễn Văn N không hề ký tên vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu S.

2. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu S thiếu dấu lấn tay của ông Nguyễn Văn N; chữ ký và dấu lấn tay của vợ ông Nguyễn Văn N là bà Huỳnh Thị Hoa.

3. Trong hợp đồng tặng cho chỉ thể hiện việc ông Nguyễn Văn N cho đất bà Nguyễn Thị Thu S chứ không đề cập đến căn nhà trên đất.

4. Bà Nguyễn Thị Thu S không trực tiếp canh tác đất lúa nên theo quy định không được nhận đất lúa mà chỉ được nhận phần diện tích đất thổ.

Ông Nguyễn Văn N đã nhận được kết luận giám định, tuy không đồng ý nhưng không yêu cầu giám định lại. Đề nghị Tòa án xác định việc hợp đồng tặng cho thiếu chữ ký của bà Hoa (vợ ông Nguyễn Văn N) đã là trái quy định pháp luật nên không hợp pháp. Từ đó, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Thu S trên cơ sở hợp đồng tặng cho cũng không đúng, phải hủy để đảm bảo quyền lợi cho ông Nguyễn Văn N.

Ông Nguyễn Thanh H đại diện cho ông Nguyễn Văn N sau khi được Tòa án giải thích nhưng xác định chỉ khởi kiện hành chính yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Thu S, không khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/7/2011. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Ông Nguyễn Văn N cho biết: từ nhà ông đến Ủy ban xã chỉ có 15 phút đi bộ nhưng từ trước đến nay chưa từng đến Ủy ban ký tặng cho bà Nguyễn Thị Thu S bất kỳ thửa đất nào. Kết quả giám định trong hợp đồng là chữ ký của ông là không đúng. Ông còn minh mẫn nên không có chuyện ông cho đất con gái vô điều kiện. Ông có 04 người con trai, không cho con trai, đâu tới lượt con gái.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An có ý kiến tại Văn bản 1976/UBND-KT ngày 30/8/2022 như sau:

Ngày 30/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện T cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 853208, BH 853209, BH 853210, BH 853211, BH 853212 cho bà Nguyễn Thị Thu S đối với các thửa đất 327, 343, 354, 501, 572, cùng thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An là dựa trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu S đã được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình (nay là xã Tân Bình) chứng thực số 46 ngày 28/7/2011, quyền số 01/TP/CC-STC/HĐGD và cũng là việc thực hiện thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, việc ông Nguyễn Văn N yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BH 853208, BH 853209, BH 853210, BH 853211, BH 853212 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/9/2011 cho bà Nguyễn Thị Thu S là không có cơ sở giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu S thông qua những người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Thu S không đồng ý toàn bộ. Vì các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị Thu S được cấp là dựa trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu S đã được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình (nay là xã Tân Bình) chứng thực. Từ khi được cho đất thì bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp canh tác từ năm 2011 đến nay. Sau khi có kết luận giám định đã xác định đúng chữ ký của ông Nguyễn Văn N trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên yêu cầu của ông Nguyễn Văn N là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện C có yêu cầu độc lập ghi ngày 07/12/2022 như sau:

Đề nghị hủy bỏ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 853208, BH 853209, BH 853210, BH 853211, BH 853212 cấp cho bà Nguyễn Thị Thu S cùng ngày 30/9/2011.

Ông Nguyễn Văn N là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 816605 ngày 30/10/2010 đối với các thửa đất 327, 343, 354, 572, 501 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T. Đến ngày 30/9/2011, Chủ tịch UBND huyện đã cấp 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị Thu S trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký ngày 28/7/2011 giữa ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thu S. Hợp đồng không thể hiện ý chí của bà Huỳnh Thị H – vợ ông Nguyễn Văn N và là mẹ ruột của ông Nguyễn Thiện C.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 25/2023/HS-CT ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Khoản 4 Điều 32; Khoản 1, Điều 193, Điều 358 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng Khoản 2 Điều 41 Luật Công chứng năm 2006; Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 27, Điều 28 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000; các Điều 122, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thiện C đối với Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 853208, BH 853209, BH 853210, BH 853211, BH 853212 do UBND huyện T cấp cùng ngày 30/9/2011 cho bà Nguyễn Thị Thu S đối với các thửa đất 327, 343, 354, 501, 572, cùng thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2021, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thu S có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên và trình bày thêm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về thời hiệu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, đồng thời xem xét các thửa đất trên là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn N việc tặng cho các thửa đất này là hợp pháp, UBND huyện T đã sang tên cho bà từ 30/9/2011, bà đã bỏ tiền ra xây dựng lại nhà cửa, khi còn sống thì mẹ bà là Huỳnh Thị Hoa đã biết việc này, bà Hoa mới mất năm 2021.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại thời hiệu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, chính án sơ thẩm đã nhận định năm 2021 ông Nguyễn Văn N đã biết về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thu S. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chồng bà Nguyễn Thị Thu S là ông Huỳnh Công Thành vào tham gia tố tụng là thiếu sót vì các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 30/9/2011 là tài sản chung của ông Thành và bà Nguyễn Thị Thu S. 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Thu S thì không phải là Quyết định hành chính cá biệt vì các giấy chứng nhận này được cấp trên cơ sở hợp đồng tặng cho, đây chỉ là thủ tục hành chính đã được giải đáp tại Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2009 của Tòa án nhân dân tối cao. Việc ông Nguyễn Văn N ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thu S là đúng pháp luật, hợp đồng đã được công chứng, chứng thực UBND xã, mặc dù bà Hoa không ký vào hợp

đồng nhưng tại cuộc họp gia đình bà Hoa đồng ý tặng cho các thửa đất này cho bà Nguyễn Thị Thu S vì vậy đề nghị áp dụng Án lệ số 03/2016.

Với các chứng cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S và sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn N trình bày:

Các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện 05 thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông Nguyễn Văn N và bà Hoa và ông Nguyễn Văn N hoàn toàn không tặng cho các tài sản này cho bà Nguyễn Thị Thu S, có khả năng ông Nguyễn Văn N bị lừa dối ký khi không biết nội dung ký là gì, hơn nữa tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/7/2011 thì không có chữ ký của bà Hoa nên hợp đồng tặng cho này là vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. (Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thu S đúng về hình thức, nội dung và trong hạn luật định, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào đơn khởi kiện, giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thể hiện ngày 13/6/2022 ông Nguyễn Văn N nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định hành chính là 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) số BH 853208; BH 853209; BH 853210; BH 853211; BH 853212 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 30/9/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị Thu S. Trong đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn N xác định ông biết được các Quyết định hành chính nêu trên vào ngày 21/3/2022, tuy nhiên trình

bày này mâu thuẫn với chính lời khai của ông Nguyễn Văn N tại Công an xã Tân Bình, ông Nguyễn Văn N xác định ngày 30/4/2021 ông Nguyễn Văn N đã biết 05 giấy chứng nhận QSDĐ trên do bà Nguyễn Thị Thu S đứng tên, Toà án cấp sơ thẩm thì nhận định năm 2021 ông Nguyễn Văn N biết về 05 giấy chứng nhận QSDĐ do bà Nguyễn Thị Thu S đứng tên. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm nhận định ông Nguyễn Văn N khởi kiện còn trong thời hiệu theo Điều 116 Luật Tố tụng hành chính là chưa đủ căn cứ, cần thu thập thêm chứng cứ để xác định rõ ngày tháng ông Nguyễn Văn N biết được 05 giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên.

[3] Ngày 28/7/2011 ông Nguyễn Văn N lập hợp đồng tặng cho QSDĐ cho bà con gái là bà Nguyễn Thị Thu S 05 thửa đất 327, 343, 354, 501 và 572, hợp đồng được UBND xã Tân Bình chứng thực cùng ngày 28/7/2011, căn cứ hợp đồng này UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Nguyễn Thị Thu S, tuy nhiên ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thiện C cho rằng việc chứng thực này là không đúng pháp luật, vì vậy trong trường này cần đưa UBND xã Tân Bình vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để UBND xã Tân Bình có ý kiến, quan điểm về việc chứng thực hợp đồng này. Ngoài ra, 05 giấy chứng nhận QSDĐ BH 853208; BH 853209; BH 853210; BH 853211; BH 853212 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 30/9/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị Thu S là trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thu S và ông Huỳnh Công Thành, như vậy đây là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Thu S và ông Thành, việc xem xét tính hợp pháp của 05 giấy chứng nhận QSDĐ này là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp của ông Thành; Toà án cấp sơ thẩm không đưa ông Thành vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm phía bà Nguyễn Thị Thu S cho rằng ngoài 05 thửa đất nêu trên thì ông Nguyễn Văn N, bà Hoa còn nhiều diện tích đất khác và đã chia cho những người con khác (là anh em của bà) nhưng chưa chia cho bà vì vậy năm 2008 trong cuộc họp gia đình thì ông Nguyễn Văn N tuyên bố cho ba 05 thửa đất trên, việc này bà Hoa biết và chứng kiến nên ngày 28/7/2011 ông Nguyễn Văn N lập hợp đồng tặng cho 05 thửa đất trên cho bà thì bà Hoa biết và đồng ý, vì vậy sau đó bà Nguyễn Thị Thu S đã sửa chữa, xây dựng lại nhà nên các anh em trong gia đình không ngăn cản, lời trình bày này của bà Nguyễn Thị Thu S được một số anh em trong gia đình thừa nhận gồm ông Nguyễn Công Toại, bà Nguyễn Thị Hoàng Yến xác nhận có cuộc họp gia đình gồm toàn bộ con cái và dâu, rể. Trong khi đó ông Nguyễn Văn N và một số người con gồm ông Hà, ông Nguyễn Thiện C không thừa nhận và cho rằng bà Nguyễn Thị Thu S tự ý lấy các giấy chứng nhận QSDĐ đi làm thủ tục sang tên cho bà Nguyễn Thị Thu S. Như vậy, để có cơ sở đánh giá về tính hợp pháp của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/7/2011 thì cần thu thập chứng cứ để làm rõ có cuộc họp gia đình vào năm 2008 hay không, có sự việc ông Nguyễn Văn

N tuyên bố tặng cho 05 thửa đất này cho bà Nguyễn Thị Thu S hay không, bà Hoa có biết và đồng ý không.

[5] Xét Toà án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót người tham gia tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được quyết định khi Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị Thu S không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là không phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 203; Điều 220; khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu S.

Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HC-ST ngày 29/3/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Long An giữa người khởi kiện là ông Nguyễn Văn N; người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được quyết định khi Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bà Nguyễn Thị Thu S không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- ĐS (04);
- Lưu VP(3), HS(2)16b.N Thuy.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Minh Thịnh